

TIỂU THUYẾT MẠC NGÔN TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRUNG HOA

THE NOVELS BY MO YAN IN THE RELATIONSHIP TO CHINESE TRADITIONAL CULTURE

Tạ Thị Thủy

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: thuycdvh@gmail.com

TÓM TẮT

Mạc Ngôn là một trong những hiện tượng văn học mang tính thời đại với phong cách sáng tác độc đáo. Giải thưởng Nobel văn học năm 2012 là sự ghi nhận những thành tựu và cố gắng của Mạc Ngôn trong hành trình sáng tạo nghệ thuật. Nó không chỉ giải tỏa “mặc cảm Nobel” cho đất nước Trung Hoa, mà còn tạo nên “một trào lưu Mạc Ngôn” trên toàn thế giới. Đọc tiểu thuyết của ông, người đọc thấy được ảnh hưởng đậm nét của văn hóa dân gian trên tất cả các phương diện từ văn học, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng,... Mạc Ngôn vĩ đại ở chỗ nhà văn bám chặt vào cội nguồn văn hóa dân tộc để trở về và “vượt lên trên dân gian” nhưng lại luôn bắt kịp tư tưởng thời đại qua việc tiếp biến các giá trị văn hóa nghệ thuật hiện đại trong tác phẩm.

Từ khóa: văn học; văn hóa; Mạc Ngôn; phong cách; dân gian; truyền thống.

ABSTRACT

Mo Yan is one of the literary phenomena of the era with the unique writing style. The Nobel Prize in Literature 2012 was the recognition of the efforts and the achievement of Mo Yan in the creation of art. It not only cleared away "the Nobel inferiority" for the Chinese nation, but also created "the Mo Yan movement" in the worldwide. Reading his novels, readers see the bold effects of folklore on all aspects of literature, art, religion, belief,... That he adheres to the nation's cultural roots to return to and "surpass folk" makes Mo Yan great, but he always catches up with the ideology of the era through the change of modern cultural values in art works.

Key words: literature; culture; Mo Yan; style; folk; tradition.

1. Đặt vấn đề

Tính đến thời điểm hiện tại, hành trình sáng tạo văn chương của Mạc Ngôn đã kéo dài hơn ba thập kỷ, và trong hơn ba thập kỷ ấy nhà văn đã từng bước khẳng định cho mình một vị thế vững chắc trên văn đàn Trung Quốc và thế giới. Đồng thời mang đến một luồng gió mới, góp phần không nhỏ vào việc thay đổi diện mạo văn học đương đại Trung Quốc. Tác phẩm của ông được dịch ra gần ba mươi thứ tiếng và là món ăn mới lạ đầy hấp dẫn đối với độc giả. Chính sự kết hợp gần như hoàn hảo giữa yếu tố Đông và Tây, truyền thống và hiện đại, cùng với một hệ thống biểu tượng đa nghĩa đã làm nên sức hấp dẫn kì diệu này. Có lần Mạc Ngôn tự bạch rằng “dù làm gì, viết gì thì đều phải có tính sáng tạo đầu tiên và độc nhất. Người khác đã làm rồi thì không thể lặp lại, tốt nhất là viết những gì người khác chưa viết, chưa gặp cũng là

cái mà mình chưa sử dụng lần nào. Song điều đó hết sức khó, có điều khó mấy cũng phải theo đuổi, dù chỉ thực hiện được 30 phần trăm cũng là tốt lắm rồi” [12, tr.275]. Với quan điểm đó, trong cuộc đời cầm bút nhà văn luôn ý thức về sự đổi mới, tìm tòi của ngòi bút. Chính điều này đã tạo nên phong cách nghệ thuật độc đáo, mà “lập trường dân gian” là một trong những số đó. Đặc biệt, ta nhận ra dấu ấn đặc trưng văn hóa Trung Hoa về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, nghệ thuật... trong tiểu thuyết của nhà văn dồi dào năng lực sáng tạo này.

2. Tiền đề văn hóa truyền thống trong tiểu thuyết Mạc Ngôn

2.1. *Quê hương Sơn Đông – Cao Mật*

Phải khẳng định một điều, tìm hiểu về Mạc Ngôn cần phải đặt ông trong môi trường quê hương. Nhà văn 55 tuổi sinh ra ở Cao Mật, Sơn Đông, Trung Quốc – mảnh đất được ông coi là mạch

nguồn khơi gợi mọi cảm hứng cho sáng tạo nghệ thuật của nhà văn. Không gian này còn là bối cảnh cho phần lớn các tiểu thuyết sống động, kiệt xuất của ông. Mạc Ngôn cam đoan rằng, tiểu thuyết của ông cũng sẽ vẫn bám rễ vào mảnh đất Cao Mật quê hương. Nhà văn còn tiết lộ cuốn sách mới nhất của ông sẽ tập trung vào câu chuyện những năm 1930 ở vùng quê này khi cả Trung Quốc đang bị chiến tranh xâm xé. Trong một lần trả lời phỏng vấn báo Tiền Phong, Mạc Ngôn cho biết: “Cái ập vào đầu óc tôi lại hoàn toàn là tình cảnh quê hương. Kỳ thực, cùng với lúc tôi đang gắng sức rời xa quê hương, cũng từng bước tôi nhích lại quê hương một cách vô thức”.

Quê hương Cao Mật là một trong những cái nôi của nền văn minh Trung Hoa. Quê hương của các danh nhân lớn, các anh hùng hào kiệt như Khổng Tử, Mạnh Tử. Lớn lên từ môi trường văn hóa như vậy đã tác động đến văn hóa tinh thần Mạc Ngôn. Trong tác phẩm *Cao lương đỏ* Mạc Ngôn đã để cho cảm xúc thoải mái tuôn trào khi viết về quê hương Cao Mật: “Ôi Cao Mật, nơi tôi yêu nhất và cũng là nơi tôi ghét nhất” và trong quá trình trải nghiệm cuộc sống nhà văn rút ra một chiêm nghiệm rằng “Không nơi nào đẹp nhất và xấu nhất như Cao Mật, cực kỳ siêu thoát và cũng cực kỳ thế tục, sạch sẽ nhất và bẩn thỉu nhất, anh hùng hảo hán nhất và đầu trộm đuôi cướp nhất, nơi biết uống rượu nhất và cũng là nơi biết yêu đương nhất”. Con người, thiên nhiên cùng những giá trị văn hóa lịch sử nơi đây đã hình thành nên một Mạc Ngôn với phong cách nghệ thuật độc đáo. Và mỗi lần Cao Mật xuất hiện trong tác phẩm của Mạc Ngôn người đọc vẫn không khỏi bất ngờ và ngỡ ngàng bởi quan điểm Mạc Ngôn là “Nếu nói quê hương Đông Bắc Cao Mật là một vương quốc văn học thì tôi, một quân vương mở nước, phải không ngừng mở rộng bờ cõi của mình” [12, tr.168].

Vùng đất Cao Mật đã trở thành dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tài năng văn chương Mạc Ngôn. Đọc tác phẩm của ông người đọc dễ dàng nhận thấy hơi hướng nồng nặc của đất quê và mối tình sâu đậm không thể tan chảy giữa ông với “huyết địa” Đông Bắc Cao Mật. Chính vì vậy có

người từng nói rằng: Tiểu thuyết Mạc Ngôn được moi ra từ chiếc bao tải rách của làng Đông Bắc Cao Mật ấy. Cũng trong buổi trả lời phỏng vấn báo Tiền Phong Mạc Ngôn không ngần ngại mà thừa nhận: “Chiếc bao tải này thực sự là của báu, cho tay vào moi mạnh một cái ra được bộ tiểu thuyết, moi nhẹ một tí ra ngay cái truyện vừa, nếu chỉ thò ngón tay, cũng gắp ra được dăm ba truyện ngắn”. Cho nên dù bây giờ ông viết văn không phải vì tiền, vì mơ ước được ăn “ngày ba bữa bánh chèo” nữa mà do nguồn cảm hứng dào dạt của làng quê tuôn chảy nên ông không thể không viết. Cũng không quá khi gọi Mạc Ngôn là “vị hoàng đế khai phá trời đất của làng Đông Bắc Cao Mật”.

2.2. Nguồn gốc xuất thân

Có lần Mạc Ngôn “tự bạch” với bạn đọc rằng: “Hai mươi năm trước, khi cầm bút viết tác phẩm đầu tay, tôi không nghĩ rằng công việc này lại làm thay đổi số phận của mình, cũng không nghĩ rằng bộ phận tác phẩm của mình làm thay đổi diện mạo văn học đương đại Trung Quốc... Động cơ ban đầu khi tôi sáng tác vô cùng đơn giản. Đó là kiếm chút nhuận bút để mua đôi giày bóng loáng thỏa mãn lòng hư vinh của một chàng thanh niên” [12, tr.55]. Dường như Mạc Ngôn bước chân vào làng văn mà không mang theo khát vọng hoài bão lớn lao. Tuy nhiên ông đã cho ra đời một sự nghiệp khá đồ sộ trở thành “niềm kiêu hãnh của Cao Mật”. Đó là vinh dự của nhà văn chân đất lung trần khởi nghiệp văn chương với ước mơ giản dị được ăn mỗi ngày 3 bữa bánh chèo nhân thịt.

Có thể nói nguồn gốc xuất thân của nhà văn có ảnh hưởng không nhỏ tới sáng tác. Thuở thiếu thời, tâm hồn và trí tuệ nhà văn được nuôi dưỡng bằng rất nhiều những câu chuyện kể của ông bà “Những câu chuyện mà các thế hệ ông bà tôi kể cơ bản là ma quỷ với yêu tinh, còn chuyện của những người thuộc thế hệ cha mẹ tôi kể phần lớn đều là lịch sử, tất nhiên lịch sử mà họ kể đều đã là lịch sử được truyền kỳ hóa, nó khác với lịch sử trong sách giáo khoa” [12, tr.211]. Điều này đã chi phối rất nhiều đến cảm quan nghệ thuật của Mạc Ngôn. Chính vì vậy ông cũng không ngần ngại thừa nhận sau này khi đã xây dựng được chỗ đứng của mình

trên văn đàn “tôi cũng học cách nói những lời đàng hoàng, chững chạc, song ngay cả chính tôi cũng chẳng hề tin vào những lời đó. Tôi là một người xuất thân từ tầng lớp hèn kém, cho nên tác phẩm của tôi chứa đầy quan điểm thế tục. Nên ai đó định tìm những điều tao nhã trong tác phẩm của tôi chắc chắn sẽ phải thất vọng”. Bởi “Tôi lớn lên từ đời sống cơ hàn, tôi đã từng chứng kiến rất nhiều cảnh đau khổ và bất công trên đời. Trong lòng tôi tràn đầy cảm thông đối với nhân loại và phần nộ đối với sự bất công, do đó tôi chỉ có thể viết ra những tác phẩm như vậy” [12, tr.105].

2.3. Tư tưởng văn hóa truyền thống Trung Hoa

Trung quốc với bề dày về truyền thống văn hóa, là nơi xuất phát của một trong những nền văn minh lớn của nhân loại. Đây là nơi có nhiều phong tục tập quán phong phú, độc đáo. Đặc biệt đây cũng là vùng đất kết tinh hơi thở của tâm linh phương Đông qua các học thuyết tư tưởng Nho, Lão... Chính những yếu tố văn hóa tư tưởng truyền thống ấy đã có tác động không nhỏ đến ngòi bút Mạc Ngôn trên phương diện cảm hứng sáng tác.

Phải thừa nhận rằng Mạc Ngôn chịu ảnh hưởng rất lớn từ văn hóa và văn học dân gian Trung Quốc. Nó chi phối tới tất cả các phương diện của tiểu thuyết từ người kể chuyện, ngôn ngữ, giọng điệu, nhân vật, không gian, thời gian nghệ thuật... Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi chỉ tập trung vào những nét nổi bật nhất mà ở đó thể hiện rõ nhất ảnh hưởng của văn hóa truyền thống Trung Quốc đến tiểu thuyết Mạc Ngôn.

3. Biểu hiện văn hóa truyền thống trong tiểu thuyết Mạc Ngôn ở phương diện nội dung

3.1. Xây dựng cốt truyện dựa trên phong tục, tập quán dân gian

Với lịch sử lâu đời, đất nước Trung Hoa có một nền văn hóa dân gian đồ sộ với kho tàng phong tục, tập quán phong phú. Mạc Ngôn luôn có ý thức hướng về khám phá lịch sử nên trong tiểu thuyết của ông người đọc có thể nhận thấy nhiều phong tục truyền thống Trung Hoa hiện hữu. Nét văn hóa tiêu biểu Trung Hoa là văn hóa ẩm thực, mà ẩm

thực ở đây chủ yếu là ngũ cốc, rượu và thịt. Trong tiểu thuyết Mạc Ngôn ngũ cốc xuất hiện nhiều nhất là Cao lương. Cao lương gắn chặt với tất cả các sự kiện trong đời sống người dân. Trong *Cao lương đỏ* cánh đồng cao lương là người mẹ che chở cho du kích. Cao lương là nhân chứng cho hạnh phúc của “bà tôi”, và cũng chính cao lương là nơi đón “bà tôi” về với đất. Cao lương không chỉ gắn bó với người nông dân Trung Quốc mà còn đi vào sự nghiệp đấu tranh anh dũng của nhân dân, làm nên những huyền thoại đẹp “Các chàng trai cùng lứa tuổi như ông tôi đều có tính cách rõ ràng như Cao lương của vùng Đông Bắc Cao Mật” [7, tr.82]. Cánh đồng cao lương là biểu tượng cho con người Đông Bắc dũng cảm, hiên ngang, kiên cường.

Nói tới văn hóa ẩm thực không thể không nhắc tới rượu và thịt. Nấu rượu là nghề phổ biến của vùng Đông Bắc. Trong *Cao lương đỏ* lò rượu nhà bà tôi thơm ngon nổi tiếng khắp vùng. Rượu được nhắc đến với các tên gọi như Mao Đài, Thập lý bát hồng, Bộ bộ kiêu,... Đó còn là “ánh trăng thơm mùi rượu”, “màu trời như nước cốt rượu nho”, hơi thở say như rượu nồng, dòng sông sắc mùi rượu, quán rượu, thành phố rượu, học viện chưng cất rượu, tính tình rượu... (trong *Từ quốc*). Rượu đã gắn bó với mọi sinh hoạt trong đời sống con người.

Một điều đáng nói nữa là Mạc Ngôn thường lấy các sự kiện lịch sử diễn ra trên mảnh đất quê hương để nhào nặn nên tác phẩm nghệ thuật. Ông được mệnh danh là nhà văn của lịch sử bởi tác phẩm của ông luôn dõi theo hành trình lịch sử của dân tộc Trung Hoa và sự biến đổi của quê hương Cao Mật. Chúng tôi nhận thấy tiểu thuyết Mạc Ngôn đã khái quát những mốc nổi bật trong lịch sử trăm năm Trung Quốc từ cuối Thanh đầu Dân Quốc đến thời kỳ cải cách mở cửa. Hiện thực vô cùng phong phú và sinh động này đã kích thích cảm hứng sáng tạo của Mạc Ngôn. *Báu vật của đời*, tuy vẫn lấy bối cảnh vùng quê Cao Mật của tác giả với những hiện thực ngồn ngộn và trần trụi. Những câu chuyện trải dài suốt từ năm 1939 khi phát xít Nhật tấn công Trung Quốc, cho đến năm 1991, đã khái quát cả một giai đoạn lịch sử

hiện đại đầy bi tráng của Trung Quốc với nào là kháng chiến, nội chiến, cải cách ruộng đất, cách mạng văn hoá rồi “cải cách mở cửa” thông qua số phận các thế hệ trong hai gia đình Thượng Quan và Tư Mã. Nhà văn từng thổ lộ: “Trong bộ tiểu thuyết dài hơn 50 vạn chữ này tôi còn viết về số phận của tám người con gái và mấy người con rể của Thượng Quan Lỗ Thị. Số phận của họ gắn với lịch sử trăm năm của Trung Quốc. Thông qua việc miêu tả số phận của gia tộc này và quê hương Cao Mật Đông Bắc, tôi đã thể hiện quan điểm lịch sử của mình” [12, tr.133]. *Đàn hương hình* tái hiện lại cuộc xung đột của người dân Cao Mật khi quân Đức với văn minh vật chất bằng tàu lửa và súng thần công đến sâu xé Trung Quốc. Cũng lấy bối cảnh của vùng đất Cao Mật *Cao lương đỏ* lại tái hiện cuộc sống những năm 1920-1930 gắn với số phận của các nhân vật ông tôi, bà tôi, bố tôi dưng cảm đánh Nhật và hi sinh trên cánh đồng Cao lương bạt ngàn. Đến tiểu thuyết mới nhất của Mạc Ngôn, *Ếch* (2009) lại tái hiện một cách đau xót thời kỳ thực hiện chính sách sinh đẻ kế hoạch hóa của Trung Quốc khiến người dân phải tìm cách trốn chui trốn lủi hòng tìm cách sinh thêm con. Tác phẩm đã phản ánh được hiện thực bề sâu và sau của công cuộc đổi mới với những sai lầm của đại cuộc. Có thể nói, mọi mặt của hiện thực lịch sử Trung Hoa được Mạc Ngôn thể hiện sinh động trong tiểu thuyết mang chiều sâu triết lý sâu sắc.

Lấy đề tài từ truyền thống dân gian, tiểu thuyết Mạc Ngôn đã tái hiện những phong tục, hủ tục lạc hậu trói buộc con người như tục bó chân. Người đọc từng biết đến tục bó chân trong *Ngót sen ba tấc* của Phùng Ký Tài, đến Mạc Ngôn người đọc một lần nữa thấy được sự khủng khiếp của hủ tục này qua “công nghệ” bó chân của bà cô Toàn Nhi trong *Báu vật của đời*: “Bà cô dùng nẹp tre cố định chân mẹ lại, khiến mẹ gào lên như lợn bị chọc tiết”. Đôi bàn chân bị nẹp tre, vải bó... buộc chặt lại cho tới khi chúng nhỏ xíu chừng ba tấc, những ngón chân dính chặt vào nhau, nhọn như một búp măng. Để có “gót sen ba tấc” mẹ phải chịu đau đớn có khi “buốt tận óc”. Ở *Đàn hương hình*, bàn chân to của My Nương là trở ngại để rồi nàng phải chấp nhận

lấy anh chàng đồ tể Tiểu Giáp. Như vậy, “gót sen” không đơn thuần là việc bó chân cho nhỏ lại, mà nó còn là biểu tượng cho địa vị, quyền lực, tương lai người phụ nữ trong xã hội xưa.

Trung Quốc là đất nước rộng lớn với bề dày lịch sử văn hóa lâu đời là nơi có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp và cả những tập quán lạc hậu thời phong kiến. Trong đó quan niệm trọng nam khinh nữ đeo đẳng, áp đặt lên lưng người phụ nữ. Họ không được quyền quyết định số phận của mình. *Cao lương đỏ* kể về cuộc đời của người con gái tên là Cửu Nhi - bà nội người kể chuyện. Cửu Nhi là một cô gái mười sáu tuổi xinh đẹp, “vừa xuân thì, phát tiết dung nhan, thắm màu hoa nguyệt” tràn đầy khát vọng yêu đương, bị ông bố tham tiền gả cho một người đàn ông giàu có nhưng bị mắc bệnh hủi là Đơn Biễn Lan. Nỗi oan ức đã khiến “bà tôi” khóc than “Bà thấy tiền đồ đen tối, suốt đời không thoát được bề khổ: Ôi bố, ôi mẹ, bố tham tiền, mẹ nhẫn tâm, bố mẹ hủy diệt đời con” [7, tr.85]. Với sự miêu tả chân thực, nhà văn đã cho người đọc thấy nỗi đau của người phụ nữ bị gả bán, ép lấy người mà nàng không hề yêu thương. Người phụ nữ chỉ là con rối là món đồ để trao đi, bán lại. Ngay cả quyền làm người, được hưởng hạnh phúc gia đình cũng không được nắm lấy. Mạc Ngôn đã để cho Cửu Nhi thoát ra khỏi những ràng buộc của lễ giáo ấy, một lần sống và yêu hết mình, phá bỏ mọi rào cản để giải phóng cá tính. Cùng với hôn nhân gả bán là tư tưởng nam quyền. Nỗi đau của Lỗ Toàn Nhi trong *Báu vật của đời* không chỉ là sự hành hạ về thể xác, mà đau đớn hơn đó là sự tra tấn về tinh thần. Lấy phải người không có khả năng truyền giống, để có thể đẻ được một đứa con trai, Lỗ Thị phải ăn nằm với đủ loại người trong thiên hạ. Nhưng bi kịch của Lỗ Thị ở chỗ cả bảy lần sinh cô phải nhận lấy tui nhục bởi sinh toàn con gái “Từ khi sinh đứa con gái thứ tư, bầu trời nhà Thượng Quan lúc nào cũng mây đen vần vũ, mặt bà nội như lưỡi hái vừa lấy ra khỏi nước sôi, sẵn sàng đâm chém ai đó bất cứ khi nào” [8, tr.790]. Tư tưởng nam quyền, hôn nhân gả bán là những hủ tục kim hãm người phụ nữ, nó giết dần, giết mòn cuộc sống của họ. Có thể nói mỗi phong tục tập quán đều chứa

đựng cái nhìn khách quan, những trần trở, suy tư của nhà văn về con người và cuộc đời.

3.2. Vận dụng các học thuyết tư tưởng trong văn hóa Trung Hoa

Các dòng tư tưởng chính như Nho, Phật, Lão được thể hiện trong tiểu thuyết Mạc Ngôn có khi thông qua nhân vật, có khi thông qua nội dung cốt truyện. Tư tưởng nhập thế tích cực của Nho giáo đã chi phối mạnh mẽ đến các thể hệ “ông tôi”, “bà tôi”. Với tâm thế “Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách” (Quốc gia còn mất, kẻ hèn còn có trách nhiệm). Chính vì vậy khi đất nước có ngoại xâm, từ Tư Mã Khố từng là thủ lĩnh đứng đầu vùng đất với nhiều kỳ tích phi thường đến thổ phi như Từ Chiêm Ngao, Kép hát như Tôn Bình, kẻ ăn mày như Tám Chu đều trở thành anh hùng hảo hán đứng lên đánh giặc, coi “cái chết nhẹ tựa lông hồng”. Mặc dù xuất thân khác nhau nhưng các nhân vật trên đều có điểm chung “vì nghĩa quên thân”, nó trở thành thước đo phẩm giá người anh hùng. Ngay cả tên ăn mày như Tám Chu khi biết My Nương là con của Tám Bình đã khẳng khái không sợ cái chết sẵn sàng cùng đội quân ăn mày đi cướp ngục. Tư tưởng Nho giáo đã định hướng ngòi bút Mạc Ngôn xây dựng nhân vật sống có lý tưởng, có khí phách, trong những con người nhỏ bé ta vẫn thấy được nhiệt tình cháy bỏng của những người dám dấn thân vì đại nghĩa.

Tư tưởng Nho giáo còn thể hiện ở quan niệm trọng nam khinh nữ, hôn nhân sắp đặt. Nhân vật Lỗ Thị trong *Báu vật của đời* cay đắng rút ra nhận xét “Là đàn bà không lấy chồng không được, lấy chồng mà không sinh con không được, sinh con toàn con gái cũng không được. Muốn có địa vị trong gia đình dứt khoát phải sinh con trai” [8, tr.783]. Bà mẹ chồng cũng từng đưa ra chân lí: “Không có con trai thì suốt đời cô chỉ là nô lệ; đẻ con trai, cô lập tức thành bà chủ nhà”. Chính vì vậy, khát vọng lớn nhất của người mẹ ấy là có được một đứa con trai để “nối dõi tông đường”, để có thể ngẩng cao đầu mà sống, để có thể trả được nỗi hận trong lòng đối với nhà Thượng Quan, bởi đứa trẻ ấy không phải dòng máu của họ. Bấy đứa con gái ra

đời trước sự ghê lạnh và chà đạp của nhà chồng, trước một người chồng vô tâm, tàn nhẫn và bất lực. Khi đứa con gái thứ bảy Cầu Đệ ra đời “Thọ Hi xông vào trong buồng lật tã lên xem rồi ngã ngửa. Công việc đầu tiên sau khi hết bồng hoàng là vớ lấy cái chày đập giặt quần áo nhằm thẳng đầu vợ phang một chày. Người đàn ông không bao giờ lớn này giận đến phát điên, anh ta dùng kim kẹp lấy một miếng sắt trong lò ấn vào giữa hai chân của vợ. Làn khói màu vàng bay lên, mùi lông và thịt cháy khét lẹt toả khắp phòng. Mẹ rú lên thê thảm, lăn từ trên giường xuống dưới đất, người cong như cánh cung, co giật từng cơn” [8, tr.803]. Sống trong sự ngược đãi, ghê lạnh của nhà chồng. Nhưng ước nguyện sinh được đứa con trai “có cái chim xinh xinh” đã giúp chị có thể tiếp tục sống và nuôi hi vọng. Bấy lần sinh nở hi vọng rồi thất vọng đã gần như giết chết niềm tin và “vắt kiệt” sức chịu đựng của Thượng Quan Lỗ Thị. Khát vọng của chị là sinh được thằng con trai, sự khao khát này luôn thường trực, có khi biến thành ảo giác. Cho nên ảo giác một đứa bé trai giữa hai đùi nó có “một bàn chân nhỏ xíu với những móng chân sáng loáng” thu hút sự chú ý của chị. Tia hi vọng cuối cùng tập trung ở điểm sáng ấy – một thằng con trai. Chính vì vậy sau khi tỉnh lại “nhìn thấy cái chim bé tí như con nhộng ở giữa hai chân tôi, cặp mắt u tối của mẹ chợt bừng sáng”. Điều này cũng phản ánh hiện thực cuộc sống xã hội Trung Quốc thời bấy giờ.

Không phải chỉ mình Lỗ Toàn Nhi khát khao có một đứa con trai, mà bà Lã – người đàn bà trụ cột trong gia đình Thượng Quan dường như là người mong có một đứa cháu trai nối dõi nhất. Cả cuộc đời bà Lã chỉ mong có một đứa cháu trai. Sau bảy lần hi vọng bà đều thất vọng và đến lần thứ bảy nỗi thất vọng ấy đã lên đến cực điểm. “Bà Lã tuyệt vọng đến cực điểm. Bà loạng choạng đi vào phòng riêng, mở hòm lấy bình rượu quý cất giữ đã lâu ngửa cổ uống ừng ực và mượn hơi men, bà khóc hu hu” [8, tr.802]. Đến lần sinh thứ tám, khi một đứa con gái nữa ra đời – Thượng Quan Ngọc Nữ, bà thấy “trời đất quay cuồng”, ước vọng sụp đổ. Khi những người thu lượm xác chết tưởng bà

đã chết định mang đi thì một sự kỳ lạ đã xảy ra. Người đàn bà từng tắc thở và phát ra uế khí từ từ mở mắt. Bà cố nhìn đứa cháu trai mà cả đời mong đợi một lần – Thượng quan Kim Đồng.

Cũng viết về con người và vùng đất Cao Mật, nhưng không giống với các tác phẩm khác. Lấy tư tưởng luân hồi của Phật giáo, *Sống đọa thác đày* đã xây dựng Tây Môn Náo - một địa chủ của làng Tây Môn - sau khi bị bắn chết đã luân hồi đầu thai thành Tây Môn Lừa, Tây Môn Trâu, Tây Môn Lợn, Tây Môn Chó và Tây Môn Khi. Với triết lý tất cả những gì được sinh ra từ đất đều quay về với đất, Tây Môn Náo đã nhận ra với cuộc sống hèn hạ gian ác của mình, con người chính là loài vật bị ôi nhất, còn loài vật lại sống một đời sống rất người. Quy luật luân hồi của Phật giáo về thời gian vô thủy, vô chung còn được thể hiện qua kết cấu vòng tròn bằng câu nói của Lam Ngân Năm Đầu To ở đầu và cuối tác phẩm: “Câu chuyện của tôi bắt đầu từ ngày một tháng một năm một ngàn chín trăm năm mươi” [13, tr.11, tr.814]. Trong dòng thời gian ấy nếu con người không giác ngộ sẽ bị ngập chìm trong quy luật nhân quả - nghiệp báo - luân hồi không bao giờ dứt. Quy luật nhân quả báo ứng còn hiện hữu trong *Tứ thập nhất pháo*. Niềm tin về quy luật này thể hiện ở câu chuyện của người đàn bà bị bệnh phong, thường đêm khuya thanh vắng chạy ra nghĩa trang đầu thôn chỉ đay nghiến mỗi câu: “Tổ tiên nhà tôi giết trâu già hay sao mà con cháu bây giờ gánh lấy tội này” [13, tr.55] bởi trong quan niệm của người nông dân việc giết mổ trâu già bị coi là thương luân bại lý. Quy luật nhân quả này là một bài học để răn dạy con người tránh làm điều ác phải biết sống tu tâm, tích đức.

Mặt khác tư tưởng Lão Trang được thể hiện qua những hình thức dân gian như bùa chú, ma thuật. Đó là hình ảnh Tôn Bính cùng các đồ đệ vẽ bùa chú, niệm ma thuật để tránh đạn. Đó còn là một Trương Thiên Tứ, một môn đồ của đạo Hoạt Nạt có biệt danh là “ông trời” luôn theo đuổi một nghề kỳ quặc là dẫn độ linh hồn người chết về quê. Trương Thiên tứ có khả năng dùng tà thuật khiến người chết đi lại được. Ông từng “dẫn độ một

vong hồn khách thương Quan Đông làm nghề buôn bán tranh niên họa chết ở thôn Ngải Khuu vùng Cao Mật, đường đi trăm núi nghìn sông” [8, tr.7404]. Hay một Mã Sơn Nhân có tài tróc quỷ trừ tà, có pháp thuật cao cường có thể lấy giấy trắng cắt thành con chim bồ câu, niệm thần chú thổi phồng một cái, con chim bay lên trời. Ông là người dùng tà thuật giúp Kim Đồng xóa nỗi ám ảnh về Natasa. Hay sự hóa thân của tiên chim Lãnh Đệ cũng mang đầy màu sắc của Đạo giáo. Theo Giáo sư Lê Nguyên Cảnh “hoá thân là một dạng xâm lấn của cái siêu nhiên vào cuộc sống đời thường”. Lãnh Đệ có giọng nói nửa người nửa chim, ăn thức ăn của chim, tiên đoán được tương lai như thần linh, chữa được bệnh cho mọi người và cũng có thể trừng phạt những kẻ xúc phạm đến mình. “Chỉ tự giam mình trong tịnh thất, những người đến cầu Tiên đều quỳ trước cửa. Giọng nửa người nửa chim lọt qua lỗ thủng trên giấy dán cửa sổ, giúp người xem ra khỏi bến Mê, cho phương thuốc chữa bệnh” [8, tr.163]. Như vậy tiểu thuyết Mạc Ngôn dù viết về đề tài lịch sử hay thế sự, thì các học thuyết tư tưởng truyền thống vẫn luôn hiện diện trong nội dung tác phẩm. Nhưng điều đáng quý là ông luôn quan tâm, trăn trở đến hiện thực sinh tồn của con người. Vì vậy tiểu thuyết Mạc Ngôn mang đậm chất nhân bản.

4. Biểu hiện văn hóa truyền thống trong tiểu thuyết Mạc Ngôn ở phương diện nghệ thuật

4.1. Sự gia tăng ngôn ngữ dân gian trong tiểu thuyết

Tiểu thuyết Mạc Ngôn hấp dẫn người đọc và có hương vị riêng một phần dựa vào sự trong sáng, giản dị của ngôn từ. Nhà văn đặc biệt thành công trong việc đưa nhiều thành ngữ, tục ngữ, ca dao vào tiểu thuyết của mình. Mặc dù khi dịch sang tiếng Việt, các dịch giả đã Việt hóa nhiều thành ngữ, tục ngữ, nhưng có thể thấy rằng lượng ngôn ngữ dân gian mà nhà văn sử dụng trong các tiểu thuyết tương đối nhiều.

Có thể xem *Báu vật của đời* là một trong những cuốn tiểu thuyết đồ sộ và thành công nhất của Mạc Ngôn. Trong hành trình sáng tạo nghệ thuật, mỗi nhà văn chân chính đều muốn thông

qua ngôn ngữ để hình thành nên những ý tưởng, những “mã” cảm xúc – đó là những biểu tượng. Nhà văn đặc biệt thành công trong việc đưa ngôn ngữ bình dân, lời ăn tiếng nói hằng ngày vào trong tiểu thuyết này để phản ánh cuộc sống đa dạng, muôn hình muôn vẻ. Ta có thể thấy lượng ngôn ngữ dân gian được tác giả sử dụng tràn ngập trong tác phẩm với 156 lượt câu. Ngoài ngôn ngữ bình dân gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân, trong tác phẩm còn nhiều thành ngữ, tục ngữ. Qua việc khảo sát bản dịch *Báu vật của đời* (丰乳肥臀) của dịch giả Trần Đình Hiến, ta thấy các lời lẽ quen thuộc như “Ướt như chuột lột”, “Oai phong lẫm liệt”, “Vô công rồi nghề”, “đầy mơ rễ má”, “Bằng mặt chẳng bằng lòng”, “rối như tơ vò”, “Sét đánh ngang tai”, “Nước chảy về chỗ thấp”, “Yếu trâu còn hơn khỏe bò”... bước vào tác phẩm rất tự nhiên như lời nói hằng ngày của nhân dân.

Ngoài ra các thành ngữ và tục ngữ như “Cáo mượn oai hùm”, “Cóc ghè muốn ăn thịt ngỗng trời”, “Trâu chết để da, người ta chết để tiếng”, “Bán anh em xa mua láng giềng gần”, “Có tiền mua tiên cũng được”, “Con giun xéo lắm cũng quăn”, “Cạn tàu ráo máng”,... cũng được sử dụng thường xuyên trong tác phẩm. Dường như các nhân vật dùng khẩu ngữ, thành ngữ và tục ngữ như một vũ khí để trấn an, bảo vệ mình và thuyết phục người khác. Người đàn bà “nửa người nửa quỷ” trong tác phẩm – Bà Lã khi nói cũng viện dẫn nhiều tục ngữ trong một câu “*Trâu chết để da, người ta chết để tiếng. Con lừa mẹ tròn con vuông thì tôi biếu thêm một vò rượu nữa, đánh trống khua chiêng cho anh đăng quang!*” [8, tr.42] hay “*Độc như nọc ong, dã tâm như người tình huyệt.* Người ta có câu: *Có tiền mua tiên cũng được.* Đồng tiền này liền kề da thịt tôi đã hai mươi năm” [8, tr.58]. Hàn Chim trong lúc đau khổ nhất cũng nói “*Lão đầu xỏ kia, không nên cạn tàu ráo máng. Con giun xéo lắm cũng quăn* đây! Lời chưa dứt, một tiếng “phụt”, viên đạn xé rách tai trái ông ba phần” [8, tr.155]. Ngôn ngữ dân gian không chỉ xuất hiện trong lời của nhân vật mà cả trong ngôn ngữ trần thuật “*Trống đệm cũng say, người đánh trống ăn mặc như những trang hào kiệt thời cổ đại,*

oai phong lẫm liệt. Người ta cứ cho rằng người xưa *trọng nghĩa kinh tài, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, uống rượu như hũ chìm, lòng gang dạ sắt*” [8, tr.752]. Sự xuất hiện này làm cho ngôn ngữ tiểu thuyết Mạc Ngôn giống ngoài đời, nhưng cũng không kém phần trí tuệ. Với ngôn ngữ đậm chất dân gian đã tạo nên sắc thái riêng cho tác phẩm và làm nên phong cách nghệ thuật Mạc Ngôn. Nhà văn luôn tâm niệm sáng tác chân chính phải “sáng tác từ vị trí của người dân”, thậm chí phải “đặt mình ở vị trí thấp hèn, thậm chí còn không bằng một người dân thường” [12, tr.40]. Cho nên trong tác phẩm của mình, Mạc Ngôn không chỉ đề cập đến hiện thực cuộc sống con người nơi miền quê Trung Quốc mà ông còn đem đến cho người đọc hơi thở rất nông thôn bằng thứ ngôn ngữ dân gian đầy ấn tượng. Nhân vật bước thẳng từ cuộc sống hiện thực vào trang sách mang theo những bộn bề cuộc sống với bầu không khí đậm chất dân gian - lễ hội. Nhà văn dường như không một chút dụng công trong việc rèn giũa câu chữ mà giữ nguyên thực tại vốn có, bởi ông luôn “giữ được lập trường và góc nhìn dân gian chân chính”.

Ngôn ngữ tiểu thuyết Mạc Ngôn đã tạo ra sự độc đáo bằng ngôn ngữ của dân gian. Thạch Nhất Long cho rằng ngôn ngữ tiểu thuyết Mạc Ngôn: “*Hình thành nên phong cách văn hóa cá nhân, nó tự nhiên và độc đáo*” [12, tr.333]. Trong *Bốn một truyện tâm phào*, có thể thấy ngôn ngữ trong tác phẩm không phải được kể bằng ngôn ngữ quan phương, bác học, mà được kể bằng ngôn ngữ thông tục của La Tiêu Thông. Trong đó xuất hiện đầy đặc các thành ngữ, cũng như tục ngữ “*Hổ dữ không ăn thịt con*”, “*Kẻ thù gặp nhau mắt sáng rực*”, “*Tiền trao cháo múc*”, “*Người cùng chí đoàn, ngựa gầy dài lông*”, “*Không có lửa làm sao có khói*”, “*Vuốt mặt nể mũi, đánh chó nó chủ*”, “*Cây ngay không sợ chết đứng*”,... Dương Tú Trân và La Thông khi cãi nhau cũng dùng tục ngữ “*Mẹ tự trách: Tôi đúng là một thợ mộc đeo gong, mình làm mình chịu.* Bó nói: *Cô không nên lấy bụng quân tử để đo tiểu nhân*,... mẹ đỏ mặt ánh mắt giận dữ: *Anh đừng gắp lừa bỏ tay người.* Bó nói:

Không có lửa thì làm gì có khói? Mẹ nói: *Cây ngay không sợ chết đứng*. Bố nói: *Hắn tài hơn tôi, ông cha hắn giỏi hơn ông cha tôi*” [15, tr.505-506]. Các nhân vật La Tiểu Thông, Dương Tú Trân, La Thông, lão Lan,... qua lời nói và hành động hiện lên chân thực trước độc giả. Dường như ngôn ngữ bụi bặm, vỉa hè cũng cần thiết để phản ánh một mảng của đời sống đa dạng, muôn hình, muôn vẻ.

Nhân vật My Nương trong *Đàn hương hình* khi nói cũng rất hay dùng tục ngữ “Nhà người tự dầy vò đến chết, người chết là đáng lắm, chẳng ai thông cảm, chẳng ai hiểu người, tất cả đều cười giễu, chửi rủa người. Người ta cười, người không biết *trời cao đất dày*... người ta mắng người là quân hoang tưởng, *đũa mốc chôi mâm sơn, khi đòi hái mặt trăng, làn trúc đòi đựng nước, cóc muốn ăn thịt ngỗng trời*” [10, tr.221]. Dường như trong cả ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ độc thoại hay ngôn ngữ kể đều có ngôn ngữ bình dân với lượng lớn thành ngữ và tục ngữ. Từ lời lẽ tự nhiên, chân thành của My Nương “*Chó eng éc thì vẫn là chó, lợn gâu gâu thì vẫn là lợn*, cha đẻ tuy không yêu nhưng vẫn là cha” [10, tr.9], đến lời lẽ cợt nhả của Tám Chu “*Mỡ đến miệng mèo không ăn cũng phí*”, và lời lẽ ghê gớm của Triệu Giáp “*Cô con dâu hiền của ta, những trò trộm mèo bắt chó của con không che được mắt ta đâu*” [10, tr.85]. Có thể nói tất cả các nhân vật của Mạc Ngôn, từ vua chúa cho đến thứ dân đều có ý thức tăng thêm trọng lượng lời nói bằng cách viện dẫn các thành ngữ và tục ngữ. Qua đây, ta thấy sự phong phú về ngôn ngữ đặt biệt là khẩu ngữ dân gian trong văn hóa Trung Hoa có bề dày lịch sử này.

4.2. Sử dụng các phương tiện nghệ thuật giàu tính dân gian truyền thống

Đọc tiểu thuyết Mạc Ngôn, ta thấy nhà văn đã sử dụng thành công tinh hoa nghệ thuật dân gian như các truyền thuyết dân gian và truyện kể dân gian. Đó là những câu chuyện dã sử, thần tiên, ma quỷ, chí nhân, chí dị. Đó là câu chuyện về nguồn gốc Miêu Xoang gắn với câu chuyện ly kỳ của tổ sư Thường Mậu đã khiến cho làn điệu Miêu Xoang trong *Đàn hương hình* thêm kỳ bí. Rồi những câu chuyện dân gian, qua tư duy ngộ

ngĩnh của Giáp Con – kiểu nhân vật trẻ thơ – người lớn như chuyện về sợi râu hổ có thể nhìn thấy bản tướng của mỗi người hay chuyện về măng xà hóa thành người đẹp. Ở *Báu vật của đời* xen vào các câu chuyện lịch sử là câu chuyện về nàng Tiên Chim, Tiên Cáo, đạo sĩ, phù thủy. Ngoài những sự kiện lịch sử chính, tiểu thuyết còn được đan cài nhiều mảnh truyện kỳ lịch sử, dã sử như: Lịch sử thành lập và bảo vệ làng Đông Bắc Cao Mật của ông tổ hai dòng họ Tư Mã và Thượng Quan. Đó còn là chuyện “Chợ quý” đầy kỳ ảo trong *Tứ thập nhất pháo* khi người bán thịt lạc vào chợ thịt mà người mua toàn là ma quỷ. Hay truyền thuyết về loại rượu do lũ khỉ trên núi làm ra thơm ngon trong *Tửu quốc*. Các sự việc lạ lùng được tạo ra nhờ sử dụng thủ pháp “ảo hoá” tinh tiết hiện thực, làm cho sự sống mang sắc màu huyền ảo, thực hư, hoang đường. Bằng thủ pháp này, nhà văn có thể chuyển tải những điều mình khát khao và tâm đắc, những suy ngẫm và trải nghiệm của bản thân vào tác phẩm để tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn người đọc.

Mạc Ngôn từng thổ lộ rằng ông viết *Đàn hương hình* để trả nợ quê hương. Các yếu tố âm nhạc dân gian – Hí kịch miêu xoang được thể hiện như một loại hình nghệ thuật dân gian đậm chất Cao Mật. Ngay từ nguồn gốc ra đời của làn điệu này đã hết sức ly kỳ. Ban đầu Miêu Xoang là làn điệu khóc cho người chết, về sau nó dần dần phát triển thành một loại hình nghệ thuật phổ biến trong dân gian do phù hợp với tâm trạng của người dân cùng khổ. Giọng hát này được vút lên ở đầu mỗi chương, trong các lời đối thoại và độc thoại của các nhân vật cũng được chen vào. Kiểu câu từ tác phẩm như trên ta cũng bắt gặp trong *Cây tôi nổi giận* với giọng hát của nhân vật Khẩu Mù. Hình thức văn học vừa đọc vừa ca xướng, nghĩa là kết hợp giữa văn xuôi và văn vần là một hình thức của tiểu thuyết cổ Trung Quốc được Mạc Ngôn sử dụng thành công với nhiều nét mới. Ở mỗi phần từ “Đầu Phụng” đến “Đuôi beo” của *Đàn hương hình* như một vở hí kịch Miêu Xoang nghĩa là có mở đầu, phát triển, xung đột và kết thúc. Lời lẽ của kịch hát Miêu Xoang làm rung động lòng người

“Tráng chí chưa thành, thân đã bại. Anh hùng đau lắm, lệ tràn mi,... Lòng đau như cắt nước mắt rung rung. Nam nhi thà chết không rơi lệ, anh hùng biết đâu nỗi đoạn trường” [10, tr.572-575]. Qua những ca từ giản dị ta nhận ra nghĩa khí của một anh hùng mặt lộ, và chất bi ai của một sự nghiệp chưa thành. Mạc Ngôn bồi đắp cho tác phẩm của mình dưỡng chất của văn hóa dân gian bằng việc đan cài vào cốt truyện các truyền thuyết dân gian, các hình thức nghệ thuật diễn xướng dân gian, từ đó mở rộng biên độ văn hóa cho tác phẩm.

5. Kết luận

Mạc Ngôn là một hiện tượng văn học độc đáo, với bút lực dồi dào ấy còn hứa hẹn những thành tựu mới ở chặng đường phía trước. Mạc Ngôn vĩ đại ở chỗ ông vẫn bám chặt vào mảnh đất văn hóa Trung Hoa, tiếp thu từ suối nguồn văn hóa dân gian truyền thống để cảm nhận và sáng tạo nghệ thuật. Từ ngôn ngữ, giọng điệu, nhân vật đậm chất dân gian có thể hiểu hơn về một Mạc

Ngôn vừa rất ngạo ngược, tiên phong nhưng cũng vừa rất khiêm tốn và khao khát “tâm căn”. Đó cũng chính là khát vọng văn nghiệp, là phong cách tác gia đầy kiêu mạn của nhà văn “chân đất lưng trần”.

Vấn đề chúng tôi nghiên cứu chỉ là một phương diện của sáng tác Mạc Ngôn. Từ vấn đề này có thể mở rộng ra một số vấn đề liên quan khác. Bởi mỗi tác phẩm đều là đứa con đẻ tinh thần của nhà văn, mang trong mình phong cách sáng tác của người nghệ sĩ. Bởi vậy, nghiên cứu *Tiểu thuyết Mạc Ngôn trong mối quan hệ với văn hóa truyền thống Trung Hoa*, chúng tôi muốn từ một khía cạnh có thể mở rộng nghiên cứu, nhìn nhận toàn bộ sáng tác Mạc Ngôn dưới góc độ văn hóa, nhằm chỉ ra đâu là những đặc sắc về văn hóa trong tiểu thuyết của nhà văn khao khát viết ra những thứ thuộc về mình, nó “khác với những người khác, và cũng khác với các nhà văn phương Tây, các nhà văn Trung Quốc” [12, tr.108].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đặng Anh Đào (2001), *Đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây hiện đại*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- [2] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi chủ biên (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- [3] Mạc Ngôn (2001), *Cao Lương Đỏ*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
- [4] Mạc Ngôn (2001), *Báu vật của đời*, Nhà xuất bản văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh
- [5] Mạc Ngôn (2003), *Cây tôi nổi giận*, Nhà xuất bản văn học, Hà Nội.
- [6] Mạc Ngôn (2003), *Đàn hương hình*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
- [7] Mạc Ngôn (2004), *Tửu Quốc*, Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội.
- [8] Mạc Ngôn (2004), *Mạc Ngôn và những lời tự bạch* (Nguyễn Thị Thại dịch), NXB văn học, Hà Nội.
- [9] Mạc Ngôn (2007), *Sống đọa thác đầy*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
- [10] Mạc Ngôn (2007), *Ếch*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
- [11] Mạc Ngôn (2004), *Bốn mươi một chuyện tầm phào*, (Trần Đình Hiến dịch), NXB văn học, Hà Nội.